

không đầu tư trùng lập các chương trình quốc gia, trước tiên là ưu tiên các dự án cấp bách, phục vụ đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc, bộ đội đóng quân như: trạm xá, trường học, hệ thống cấp nước sinh hoạt, thủy lợi, cơ sở vật chất cần thiết cho đoàn 379 (đoàn Mường Chà) đến đóng quân tại 5 xã vùng dự án, đường giao thông để phục vụ bộ đội và nhân dân trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

- Thành lập Ban chỉ đạo dự án, gồm lãnh đạo Quân khu 2 làm Trưởng ban, lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, các Sở, Ban, ngành của tỉnh, lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện trong vùng dự án để phối hợp, chỉ đạo thực hiện, đảm bảo sự tập trung, thống nhất, dân chủ.

- Huy động lực lượng lao động tại chỗ trong quá trình thi công xây dựng các công trình góp phần giải quyết việc làm, tăng thêm thu nhập cho đồng bào các dân tộc.

- Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu giúp đỡ, hướng dẫn đồng bào dân tộc về kỹ thuật sản xuất, giáo dục, y tế, huấn luyện, đào tạo cán bộ xã, các già làng, trưởng bản để giúp họ quản lý, điều hành sản xuất tại địa phương.

2. Căn cứ điều kiện cụ thể từng vùng tổ chức sản xuất phù hợp:

- Quân đội xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, giao đất cho dân tổ chức sản xuất;

- Quân đội tổ chức doanh nghiệp giao khoán đất cho dân sản xuất, doanh nghiệp làm dịch vụ kỹ thuật, vật tư cho sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, chế biến nông sản;

- Quân đội trực tiếp sản xuất với vùng khó khăn, dân không thể tự tổ chức sản xuất và quản lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN CÔNG TẬN

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

**BỘ CÔNG AN - HỘI CỰU CHIẾN
BINH VIỆT NAM**

THÔNG TƯ liên tịch số 04/2000/TTLT-
BCA-HCCBVN ngày 20/3/2000
hướng dẫn mẫu dấu, việc khắc,
quản lý và sử dụng con dấu của
các cấp, các đơn vị thuộc hệ
thống tổ chức Hội Cựu chiến
binh Việt Nam.

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 62/CP ngày 22/9/1993 của Chính phủ quy định việc quản lý và sử dụng con dấu;

Căn cứ Giấy phép thành lập số 528/NC ngày 24/2/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về thành lập Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

Căn cứ Chỉ thị số 478/TTg ngày 03/7/1997 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ chức Hội Cựu chiến binh Việt Nam trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 32-TTLT/TCCP-CCB ngày 30/9/1998 của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Thường vụ Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hướng dẫn thi hành Chỉ thị trên;

Bộ Công an - Hội Cựu chiến binh Việt Nam ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn mẫu dấu, việc khắc, quản lý và sử dụng con dấu của các cấp, các đơn vị thuộc hệ thống tổ chức Hội Cựu chiến binh Việt Nam như sau:

I. CÁC CẤP, ĐƠN VỊ THUỘC HỆ THỐNG TỔ CHỨC HỘI CỰU CHIẾN BINH VIỆT NAM ĐƯỢC SỬ DỤNG CON DẤU

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
2. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là cấp tỉnh);
3. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là cấp huyện);
4. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là cấp xã);
5. Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp và các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam hoặc trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, hoặc trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp huyện;

6. Các cơ quan giúp việc trực thuộc Hội Cựu chiến binh Việt Nam, trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh.

II. MẪU CON DẤU (*)

1. Hình thể, kích thước.

a) Hình thể:

Con dấu của các cấp, các đơn vị thuộc hệ thống Hội Cựu chiến binh Việt Nam đều hình tròn.

b) Kích thước:

- Con dấu của Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam có đường kính 38 mm.

- Con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp và các cơ quan giúp việc trực thuộc Hội Cựu chiến binh Việt Nam có đường kính 36 mm.

- Con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp huyện, con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước và các cơ quan giúp việc trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh có đường kính 34 mm.

- Con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp xã, Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp huyện có đường kính 32 mm.

2. Đường chỉ.

Con dấu của Hội Cựu chiến binh các cấp, đơn vị nói trên đều có hai đường chỉ. Đường chỉ ngoài gồm hai đường tròn sát nhau, đường tròn phía ngoài nét đậm, đường tròn phía trong nét nhỏ. Đường chỉ phía trong là một đường tròn nét nhỏ.

(*) Không in mẫu con dấu.

Khoảng cách giữa đường chỉ ngoài và đường chỉ trong của từng loại con dấu như sau:

- Loại con dấu có đường kính từ 36 - 38 mm là 5 mm.

- Loại con dấu có đường kính từ 32 - 34 mm là 4 mm

3. Nội dung con dấu.

a) Con dấu của Ban Chấp hành Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam:

- Xung quanh vành ngoài con dấu khắc: Hội Cựu chiến binh Việt Nam, có một ngôi sao nhỏ ở giữa phía dưới đầu và cuối dòng chữ này;

- Giữa con dấu khắc: Ban Chấp hành Trung ương (phía dưới khắc hình bông lúa và bánh xe răng cưa).

b) Con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp và các cơ quan giúp việc trực thuộc Hội Cựu chiến binh Việt Nam:

- Xung quanh vành ngoài khắc: Hội Cựu chiến binh Việt Nam, có một ngôi sao nhỏ ở giữa phía dưới đầu và cuối dòng chữ này;

- Giữa con dấu khắc: Ban Chấp hành tỉnh Hội hoặc thành Hội kèm tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hoặc Ban Chấp hành Hội kèm theo tên cơ quan, tổ chức (nếu là Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp); hoặc tên cơ quan giúp việc.

c) Con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp huyện, con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh và các cơ quan giúp việc trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh:

- Vành ngoài phía trên khắc: Hội Cựu chiến

binh Việt Nam, có hai ngôi sao nhỏ ở đầu và cuối dòng chữ này;

- Vành ngoài phía dưới khắc: Tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Giữa con dấu khắc: Ban Chấp hành huyện Hội..., quận Hội.... hoặc Ban Chấp hành Hội kèm theo tên cơ quan, tổ chức hoặc tên doanh nghiệp hoặc tên cơ quan giúp việc.

d) Con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp xã, Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp huyện:

- Vành ngoài phía trên khắc: Hội Cựu chiến binh tỉnh..., thành phố... trực thuộc Trung ương, có hai ngôi sao nhỏ ở đầu và cuối dòng chữ này;

- Vành ngoài phía dưới khắc: quận..., huyện..., thị xã..., thành phố thuộc tỉnh...

- Giữa con dấu khắc: Ban Chấp hành Hội xã..., phường..., thị trấn... hoặc tên cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp; hoặc tên cơ quan giúp việc.

III. NGUYÊN TẮC, THỦ TỤC KHẮC DẤU, VIỆC QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CON DẤU

1. Nguyên tắc.

a) Các cấp, đơn vị thuộc hệ thống tổ chức Hội Cựu chiến binh Việt Nam chỉ được sử dụng một con dấu theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Trung ương Hội, tỉnh Hội, thành Hội Cựu chiến binh được khắc thêm con dấu thu nhỏ để đóng vào thẻ Hội viên.

b) Nghiêm cấm việc đóng dấu không chỉ (đóng dấu lên các văn bản, giấy tờ khi chưa có chữ ký của cấp có thẩm quyền). Chỉ được phép đóng dấu

lên các văn bản, giấy tờ đã có nội dung và phải được cấp có thẩm quyền ký.

c) Việc thành lập và cho phép sử dụng con dấu của các cấp, đơn vị thuộc hệ thống tổ chức Hội Cựu chiến binh Việt Nam phải được cấp có thẩm quyền cho phép. Cụ thể là:

- Đối với Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh và tương đương do Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam quyết định;

- Đối với Hội Cựu chiến binh cấp huyện và tương đương do Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh quyết định;

- Đối với Hội Cựu chiến binh cấp xã và tương đương do Hội Cựu chiến binh cấp huyện quyết định.

2. Thủ tục khắc dấu.

a) Trường hợp khắc mới:

- Quyết định thành lập và cho phép sử dụng con dấu của cấp có thẩm quyền (xuất trình bản chính, nộp bản sao có công chứng) theo quy định tại điểm c mục 1 nêu trên;

- Công văn hoặc giấy giới thiệu đề nghị khắc dấu;

- Ý kiến bằng văn bản (hoặc giấy giới thiệu) của Ban Tổ chức Trung ương Đảng (nếu tổ chức đó trực thuộc Hội Cựu chiến binh Việt Nam) hoặc của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thành ủy (nếu tổ chức đó trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh hoặc trực thuộc Hội Cựu chiến binh cấp huyện).

b) Trường hợp khắc lại:

Trường hợp con dấu bị mòn, hỏng, bị mất hoặc thay đổi tên cần khắc đổi lại thì chỉ cần có công văn đề nghị nói rõ lý do kèm theo giấy giới thiệu đề nghị khắc lại con dấu.

Người đến liên hệ khắc dấu phải xuất trình Chứng minh nhân dân.

3. Quản lý và sử dụng con dấu.

Việc quản lý và sử dụng con dấu của các cấp, đơn vị thuộc hệ thống tổ chức Hội Cựu chiến binh Việt Nam phải thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 62/CP ngày 22/9/1993 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng con dấu và Thông tư liên Bộ số 32/TTLB ngày 30/12/1993 của liên Bộ Nội vụ - Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị định số 62/CP. Cụ thể là:

a) Con dấu khắc xong phải đăng ký lưu chiếu mẫu con dấu tại cơ quan Công an nơi cấp giấy phép khắc dấu, nộp lại con dấu cũ (nếu có). Chỉ sau khi được cấp giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu con dấu các cấp, đơn vị thuộc hệ thống Hội Cựu chiến binh Việt Nam mới được sử dụng.

b) Con dấu trước khi sử dụng phải thông báo bằng văn bản để các cơ quan chức năng biết.

c) Con dấu để tại trụ sở của Hội Cựu chiến binh và phải được quản lý chặt chẽ. Trường hợp cần thiết mang con dấu đi công tác phải được cấp có thẩm quyền cho phép.

d) Người được giao giữ, bảo quản con dấu của Hội Cựu chiến binh phải là người có trách nhiệm, có trình độ nghiệp vụ văn thư.

d) Khi mất dấu phải kịp thời báo ngay cho cơ quan Công an biết để phối hợp giải quyết.

e) Các cấp, đơn vị thuộc hệ thống Hội Cựu chiến binh Việt Nam có trách nhiệm thực hiện theo yêu cầu và tạo điều kiện để cơ quan Công an, cơ quan có chức năng kiểm tra việc bảo quản, sử dụng con dấu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an giải quyết thủ tục khắc con dấu của Ban Chấp hành Trung

ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các đơn vị trực thuộc; Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giải quyết thủ tục khắc con dấu của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và các đơn vị trực thuộc.

2. Thông tư liên tịch này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

3. Văn phòng Hội Cựu chiến binh Việt Nam và Tổng cục Cảnh sát hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư liên tịch này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Công an
Thủ trưởng

LÊ THẾ TIỆM

KT. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam
Phó Chủ tịch

NGUYỄN QUỐC THƯỚC

**LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ liên tịch số 11/2000/TTLT-
BLĐTBXH-BTC ngày 06/4/2000
hướng dẫn thực hiện điều chỉnh
tiền lương và phụ cấp trong các
doanh nghiệp.**

Thực hiện Nghị định số 10/2000/NĐ-CP ngày 27/3/2000 của Chính phủ về việc quy định tiền lương tối thiểu trong các doanh nghiệp, sau khi

có ý kiến của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, liên tịch Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh tiền lương trong các doanh nghiệp như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, bao gồm: doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh; doanh nghiệp công ích, doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang; tổ chức, đơn vị được phép hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc cơ quan hành chính, sự nghiệp, Đảng, đoàn thể, các Hội quần chúng tự trang trải về tài chính;

- Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, bao gồm: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân;

(Các tổ chức nêu trên gọi tắt là doanh nghiệp).

II. CÁCH TÍNH LẠI MỨC LƯƠNG

1. Đối với doanh nghiệp đang áp dụng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương do Nhà nước ban hành thì căn cứ vào hệ số mức lương, mức phụ cấp lương quy định tại Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993, Nghị định số 110/1997/NĐ-CP ngày 18/11/1997 của Chính phủ và mức lương tối thiểu quy định tại Nghị định số 10/2000/NĐ-CP ngày 27/3/2000 của Chính phủ, mức lương, phụ cấp lương làm cơ sở tính các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tiền lương khi làm thêm giờ, làm đêm, ngừng việc, nghỉ hằng năm và các chế độ khác theo quy định của Nhà nước được tính lại như sau: